

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-01-2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Sơn.

ông Nguyễn Đại Đồng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 282/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Lê Thị Kim Nh**, sinh năm 1994. *Có mặt.*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* anh **Lê Duy H**, sinh năm 1990. *(Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do).*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lê Thị Kim Nh trình bày:

- *Về hôn nhân:* chị và anh Lê Duy H kết hôn tự nguyện, đăng ký hợp pháp ngày 14/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì liên tiếp

phát sinh nhiều mâu thuẫn, va chạm, xung đột. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống. Anh H thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm trong việc xây dựng kinh tế và hạnh phúc gia đình. Chị đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2014 đến nay, không còn liên hệ gì với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, công việc riêng. Nay chị xin ly hôn anh Lê Duy H.

- *Về con chung*: chị và anh Lê Duy H có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 26/6/2013. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, công sức và nợ chung*: chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Lê Duy H mặc dù Tòa án đã tổng đạt và triệu tập đầy đủ, hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày quan điểm, yêu cầu.

Ngày 19/11/2020, Tòa án lấy lời khai của người làm chứng là bà Tô Thị Đ, mẹ đẻ của anh Lê Duy H, bà Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: do chị Nh và anh H bất đồng quan điểm nên chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn và đã ly thân từ đầu năm 2014. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Các văn bản của Tòa án, bà đã giao đầy đủ, kịp thời cho anh H. Quan điểm của anh H về hôn nhân là đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim Nh nhưng do công việc bận không thể đến Tòa án làm việc được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: giữa anh H và chị Nh có một con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 26/6/2013. Từ khi anh H, chị Nh ly thân đến nay cháu Đ ở với chị Nh. Khi ly hôn thì gia đình bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao quyền trực tiếp nuôi con chung cho chị Nh, vì hiện tại anh H không đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: anh H và chị Nh không có gì.

Biên bản xác minh ngày 19/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A thể hiện: anh Lê Duy H và chị Lê Thị Kim Nh đăng ký kết hôn ngày 14/11/2012 và có 01 con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 26/6/2013. Quá trình chung sống giữa anh H và chị Nh xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc. Địa phương và gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng đã ly thân.

Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn mặc dù được Tòa án giao đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập họp lệ nhưng đều vắng mặt, không đến làm việc, nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim Nh đối với anh Lê Duy H.

- Giao con chung là cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 26/6/2013 cho chị Lê Thị Kim Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Duy H do chị Nh không yêu cầu.

- Tài sản chung, công sức và nợ chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Lê Thị Kim Nh phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Lê Thị Kim Nh khởi kiện xin ly hôn anh Lê Duy H có nơi cư trú tại thôn T, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội và nộp tam ứng án phí đầy đủ. Nên Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Lê Duy H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Kim Nh và anh Lê Duy H kết hôn tự nguyện, có đăng ký, là hôn nhân hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh

phúc và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm tới ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lê Duy H không có mặt để trình bày quan điểm. Việc này chứng minh anh H không quan tâm đến cuộc sống và hạnh phúc chung vợ chồng.

Xét thấy các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Kim Nh và anh Lê Duy H đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: xét yêu cầu nuôi con chung Lê Minh Đ, sinh ngày 26/6/2013 của chị Lê Thị Kim Nh, Hội đồng xét xử nhận thấy: từ khi anh H và chị Nh ly thân đến nay, cháu Đ do chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu có nơi sinh sống, học tập ổn định và phát triển bình thường. Ngoài ra, cháu Đ có quan điểm xin tiếp tục được ở với chị Nh. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung thì cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị Nh và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, theo đó giao cháu Lê Minh Đ cho chị Lê Thị Kim Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị Nh không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi có yêu cầu mới.

[3] Về tài sản chung, công sức và nợ chung: chị Lê Thị Kim Nh xác nhận không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 92, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim Nh, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Kim Nh được ly hôn anh Lê Duy H.

2. Về con chung: giao con chung Lê Minh Đ, sinh ngày 26/6/2013 cho chị Lê Thị Kim Nh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Kim Nh không yêu cầu anh Lê Duy H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Duy H cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Lê Duy H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị Kim Nh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003007 ngày 07/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã A;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Hiệp

